TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-PT
Ngày 14 - 8 -2023
V/v tranh chấp đòi tiền chuyển mục đích quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Đặng Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số 44/2023/TLPT-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp đòi tiền chuyển mục đích quyền sử dụng đất" tại 02 điểm cầu:*

Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thành phần gồm Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D thành phần gồm các đương sự.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 164/2023/QĐPT-DS, ngày 19/5/2023;Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2023/QĐ-PT, ngày 09/6/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 106/2023/QĐ-PT, ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Bá Đ, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1967 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T:

1. Chị Nguyễn Kim P, sinh năm 1989 (có mặt)

2. Cháu Lê Vĩnh H, sinh năm 2013 (vắng mặt)

Người đại diện cho cháu Lê Vĩnh H: Chị Nguyễn Kim P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 619/9 P, khóm C, phường D, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

Tạm trú: Khóm 2, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Kim P: Ông Nguyễn Vĩnh B, Luật sư của Trung tâm tư vấn pháp luật tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39A đường Ph, khóm 2, phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Kim P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Bà Đ trình bày:

Năm 2019, anh có thoả thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T hai lần với chiều ngang là 20m, giá 65.000.000 đồng/mét ngang. Vị trí đất cặp Quốc lộ 53 tại khóm 2, phường A, thị xã D. Anh Đ đã thanh toán cho ông T đủ số tiền 1,3 tỷ, đồng thời ông T làm thủ tục sang tên cho anh gồm thửa số 212 diện tích 224,5m^2 loại đất ở đô thị và thửa số 214 diện tích 93m^2, loại đất cây lâu năm. Cùng thời điểm này, ông Lê Văn T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T chiều ngang là 22m, với giá 65.000.000 đồng/mét ngang. Vị trí đất cặp Quốc lộ 53 thuộc khóm 2, phường A, thị xã D, ông T thực hiện thủ tục sang tên cho ông Tgồm các thửa 211, diện tích 224,3m^2, loại đất ở tại đô thị; thửa 213, diện tích 93,4m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa số 173, diện tích 204,2m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác và thửa số 174, diện tích 501,8m^2, loại đất: đất trồng cây hàng năm khác.

Đến khoảng giữa tháng 9/2019, anh Đ phát hiện phần đất thực tế anh đang quan lý, sử dụng thuộc hai thửa số 173 và 174 do ông Lê Văn T đứng tên quyền sử dụng đất; còn phần đất ông T đang quản lý thì có hai thửa số 212 và 214 là do anh Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do có sự nhầm lẫn này trong quá trình sang tên, nên giữa anh Đ, ông T và ông T có trực tiếp thỏa thuận như sau: Ông T sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại cho anh Đ hai thửa số 173 và

174 chiều ngang là 22m; Anh Đ sẽ làm thủ tục chuyển nhượng đất lại cho ông T hai thửa số 212 và 214 có chiều ngang là khoảng l0m;

Do phần đất anh Đ được ông T chuyển nhượng lại có chiều ngang 22m (tức là nhiều hơn 02m so với lúc đầu thoả thuận nhận chuyến nhượng của ông T) nên anh Đ phải trả cho ông T giá trị đất 02m ngang với giá 65.000.000 đồng/mét ngang bằng 130.000.000 đồng. Phần đất thực tế theo thoả thuận giữa ông T và Tổng lúc đầu là 22m ngang thuộc thửa 173 và 174 là loại đất trồng cây hàng năm khác; còn phần đất thực tế theo thoả thuận giữa anh Đ và ông T lúc đầu là 20m ngang thuộc thửa 211, 212, 213, và 214, trong đó có thửa 211 và 212 tổng diện tích 448,8m^2 là loại đất ở tại đô thị, nên ông Tphải trả lại cho anh Đ số tiền chênh lệnh chuyển mục đích sử dụng giữa hai loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây hàng năm khác với tổng diện tích hai thửa 211 và 212 là 448,8m^2.

Sau khi thoả thuận xong, anh Đ và ông T tiến hành các thủ tục chuyển nhượng đất qua lại như thoả thuận. Anh Đ đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 173 và 174, còn ông Tđứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 211, 212, 213 và 214. Tuy nhiên, ông T không trả lại cho anh Đ tiền chuyển mục đích quyền sử dụng đất như thoả thuận.

Nay anh Trần Bá Đ yêu cầu ông Lê Văn T phải trả số tiền chuyển mục đích quyền sử dụng đất được tính như sau: Giá đất ở đô thị tại thời điểm thoả thuận là 900.000 đồng và giá đất trồng cây hàng năm khác tại thời thoả thuận là 270.000 đồng theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tính Trà Vinh. Như vậy, số tiền chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại đô thị là: (900.000 đồng/m^2 - 270.000 đồng/m^2) x 448,8m^2 = 282.744.000 đồng. Nhưng vì theo thoả thuận phần đất anh Đ tăng 2m ngang, nên anh Đ phải trả cho ông T130.0000.000 đồng, sau khi cấn trừ anh yêu cầu ông T phải trả số tiền bằng 152.744.000 đồng (282.744.000 đồng - 130.0000.000 đồng = 152.744.000 đồng).

Tại phiên toà sơ thẩm, anh Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 49.368.000 đồng. Yêu cầu người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T phải trả cho anh Đ số tiền là 103.376.000 đồng.

- Bị đơn ông Lê Văn T có ý kiến trình bày như sau:

Trước đây ông Lê Văn T có thoả thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T 22m ngang với giá là 65.000.000 đồng/mét ngang. Lúc thỏa thuận chuyển nhượng đất không biết số thửa đất. Sau đó, anh Đ phát hiện có sự nhầm lẫn các thửa đất đã sang tên cho ông và anh Đ, nên ông có báo cho ông T để giải quyết. Giữa ông T1, anh Đ và ông T có thoả thuận nhưng ông Tchưa đồng ý nội dung thoả thuận gì với anh Đ. Từ ban đầu vị trí đất ông thoả thuận nhận chuyển nhượng không phải là đất thổ cư, nhưng vì ông T làm thủ tục chuyển nhượng đất

thổ cư cho ông, nên ông yêu cầu trả lại mục đích đất thổ cư. Hiện tại ông không có tiền và không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh Đ. Ông T còn yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông giá trị 02 mét ngang đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1, chị Nguyễn Thị Kim Ph trình bày: Tại biên bản hoà giải ngày 18/7/2022, chị Ptrình bày khi chồng chị là ông Tcòn sống không rõ ông Tcó thoả thuận như thế nào với anh Đ. Tuy nhiên, chị và anh Đ thỏa thuận chị P chấp nhận trả cho anh Đ số tiền 130.000.000 đồng, tại đơn xin thay đổi ý kiến ngày 22/7/2022 và tại phiên tòa, chị P có ý kiến là không đồng ý thoả thuận trả cho anh Đ số tiền 130.000.000 đồng như thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có ý kiến trình bày: Trước đây ông có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Lê Văn T 22m ngang đất, với giá 65.000.000 đồng/ mét ngang; chuyển nhượng cho anh Trần Bá Đ 20 mét ngang, giá 65.000.000 đồng/ mét ngang. Tuy nhiên trong quá trình làm thủ tục sang tên có sự nhầm lẫn thửa đất. Vì vậy giữa ông và anh Đ, ông Tcó đến Văn phòng đăng ký đất đai thỏa thuận lại theo đó ông Tsẽ sang lại cho anh Đ diện tích 22m ngang; anh Đ chuyển nhượng cho ông Tphần đất 20m ngang, đồng thời anh Đ phải trả tiền chênh lệch 02 mét ngang cho ông T với giá 130.000.000 đồng, còn ông Tphải trả cho anh Đ phần chênh lệch giá giữa hai loại đất ở tại đô thì và đất cây lâu năm.

Tại bản án sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bá Đ: Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T là chị Nguyễn Kim Phượng và cháu Lê Vĩnh H có người đại diện hợp pháp là chị Nguyễn Kim P phải trả cho anh Trần Bá Đ số tiền là 103.376.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2022, chị Nguyễn Kim P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, chị P không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Kim P trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc chị Ptrả 103.376.000 đồng thì chị P không đồng ý, vì việc anh Đ và ông T chuyển nhượng đất từ ông T, sau khi nhận chuyển nhượng xong thì ông T giao đất có sự nhầm lẫn, ông T giao cho anh Đ 22 mét phần chuyển nhượng cho ông T1, giao cho ông T 20 mét của anh Đ, việc trao đổi đất giữa các bên như thế nào thì không có văn bản chứng minh cho việc đổi đất như nguyên đơn trình bày. Sau khi ông T chết thì anh Đ yêu cầu chị P thực hiện nghĩa vụ trả giá trị đất thổ cư thì chị P không đồng ý, chị P yêu cầu trả phần đất 02 mét ngang mà anh Đ đang quản lý của gia đình chị nhận chuyển nhượng. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm còn vi phạm một số thủ tục tố tụng như sau : Bà Thanh là người tham gia chuyển nhượng đất, nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Thanh tham gia tố tụng là vi phạm, Tòa án cấp sơ thẩm không định giá 02 mét ngang đất để xác định giá trị, cũng như định giá phần đất thổ cư của anh Đ giao cho ông T1, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, cấp sơ thẩm chỉ xác định chị Nguyễn Kim P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thêm là thiếu sót, chị Pvừa là người liên quan vừa là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Vì giao dịch chuyển nhượng đất này của ông Thêm phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ, chồng.

Xét kháng cáo của chị P, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc anh Đ trả giá trị đất cho chị P là có căn cứ, vì việc thoả thuận giữa anh Đ, ông T1, ông T không thể hiện bằng văn bản, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 03/11/2021 ông Thêm thừa nhận sang tên có sự nhầm lẫn và yêu cầu anh Đ trả lại 02m ngang, việc này cũng phù hợp với lời trình bày của anh Trần Bá Đ, ông H và phù hợp với thực tế chuyển đổi đất qua lại với nhau. Tại thửa 212, 214 anh Đ nhận chuyển nhượng từ ông Tùng, ông T, bà Thanh vào ngày 18/01/2019. Sau đó vào ngày 19/12/2019, anh Đ đã chuyển nhượng đất lại cho ông T1. Tại thửa số 173, 174 ông T nhận chuyển nhượng từ ông Tùng, ông T và bà Thanh vào ngày 08/11/2019. Sau đó vào ngày 19/12/2019, ông Tđã chuyển nhượng đất lại cho anh Đ. Giao dịch được thỏa thuận vào năm 2019 tại thời điểm này xác lập giữa các bên giá 2m ngang bằng 130.000.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm không định giá hay căn cứ vào giá thị trường là phù hợp. Giá đất tại thời điểm giao dịch năm 2019 theo Quyết định số 15/2017/QD-UBND ngày 31/7/2017 của

Uỷ ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, giá đất ở đô thị tại thời điểm thoả thuận trong năm 2019 là 700.000 đồng, giá đất trồng cây hàng năm là 180.000 đồng (700.000 đồng/m - 180.000 đồng/m) x 448,8m^2 - 130.000.000 đồng = 103.376.000 đồng. Như vậy, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T gồm: Chị Nguyễn Kim P, cháu Lê Vĩnh H phải trả cho anh Trần Bá Đ số tiền 103.376.000 đồng. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[01] Về tố tụng, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Nguyễn Kim P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót. Tuy nhiên, việc sai sót này không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án.

[02] Qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy vào năm 2019 anh Đ và ông Thêm cùng thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn T, cụ thể anh Đ nhận chuyển nhượng phần đất chiều ngang 20m, giá 65.000.000 đồng/mét ngang, thuộc các thửa số 211 và 212 có diện tích 448,8m^2, loại đất thổ cư do anh Lê Thanh Tùng đứng tên quyền sử dụng đất và thửa 213, 214 có diện tích 186,4m^2, loại đất cây lâu năm do ông T, bà Hồng Thanh đứng tên quyền sử dụng đất. Nhưng thực tế ông T chỉ làm thủ tục sang tên cho anh Đ thuộc thửa số 212 và 214. Ông T thỏa thuận nhận chuyển nhượng 22 mét ngang, giá 65.000.000 đồng/ mét ngang vị trí đất thuộc thửa số 173 và 171 có diện tích 706m^2, loại đất cây lâu năm, tuy nhiên khi làm thủ tục chuyển nhượng thì ông T chuyển nhượng cho ông Tở thửa số 211, 213, 173 và 174. Nhưng thực tế khi nhận quản lý đất, thì anh Đ lại quản lý thửa 173 và 174 mà ông T đứng tên, còn ông T sử dụng thửa số 211, 212, 213 và 214 trong đó có 02 thửa 211 và 212 do anh Đ đứng tên. Sau đó giữa các bên làm thủ tục chuyển nhượng lại ông T chuyển nhượng lại thửa 173 và 174 cho anh Đ, còn anh Đ chuyển nhượng lại thửa 211 và 212 cho ông T1. Do phần đất anh Đ nhận lại của ông T nhiều hơn 02 mét ngang so với thỏa thuận ban đầu, nên anh Đ đồng ý trả cho ông T65.000.000 đồng/ mét ngang bằng 130.000.000 đồng, còn ông Tcó nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giữa đất cây lâu năm và đất thổ cư diện tích 448,8m^2 (thửa số 211 và 212).

Xét thấy, mặc dù việc hoán đổi thửa đất và thỏa thuận giữa các bên không làm thành văn bản, nhưng thực tế việc sang tên nhầm thửa đất được anh Đ, ông

T và ông T thừa nhận khi ông T còn sống (BL 23), các bên đã làm thủ tục chuyển đổi lại quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng vào ngày 19/12/2019. Do phần đất ông T nhận chuyển nhượng lại từ anh Đ ở thửa số 211 và 212 có diện tích 448,8m^2 loại đất thổ cư, nên việc anh Đ yêu cầu ông Ttrả tiền chênh lệch giữa hai loại đất là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành bảng giá đất điều chỉnh 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, loại đất cây lâu năm có giá 180.000 đồng/m^2 và đất ở đô thị có giá 700.000 đồng/m^2 (BL 201; 206) xác định phần chênh lệch giá giữa hai loại đất sau khi trừ 130.000.000 đồng, bằng 103.376.000 đồng [(700.000 đồng/m^2 – 180.000 đồng/m^2) x 448,8m^2] – 130.000.000 đồng, là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[03] Chị Nguyễn Kim P người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tkháng cáo không đồng ý trả cho anh Đ số tiền 103.376.000 đồng và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chị P cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định quan hệ tranh chấp "thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" là không đúng quy định, không có căn cứ chứng minh 02 mét ngang đất thuộc thửa 173 và 174 có giá 130.000.000 đồng, nếu khấu trừ thì yêu cầu anh Đ trả theo giá đất thị trường, không hướng dẫn chị làm đơn yêu cầu phản tố đối với 02 mét ngang đất là vi phạm tố tụng.

Xét thấy, thời điểm phát sinh tranh chấp đối với tiền chuyển mục đích sử dụng đất và khởi kiện tại tòa thì ông Tcòn sống, nên Tòa án nhân dân thị xã Dxác định quan hệ pháp luật "tranh chấp đòi tiền chuyển mục đích quyền sử dụng đất" theo khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Tchết, nên chị P(là vợ ông T1) và cháu Hà (con ông T1) tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1. Chị P cho rằng trường hợp anh Đ khấu trừ diện tích 02 mét ngang đất thì phải thanh toán theo giá thị trường là không có căn cứ chấp nhận, vì diện tích 02 mét ngang đã được các bên thỏa thuận hoán đổi qua lại vào năm 2019, thời điểm này các bên đang chuyển nhượng với giá 65.000.000 đồng/ mét ngang, nên Tòa án cấp sơ thẩm lấy giá đất tại thời điểm năm 2019 để khấu trừ nghĩa vụ là có căn cứ. Ngoài ra, chị P nại ra Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn chị làm đơn phản tố yêu cầu công nhận diện tích 02 mét ngang đất là chưa giải quyết triệt để vụ án làm ảnh hưởng quyền lợi của chị, thấy rằng quá trình giải quyết vụ án chị P không làm đơn yêu cầu phản tố, nên cấp sơ thẩm không thụ lý. Tuy nhiên, phía nguyên đơn anh Đ thừa nhận khi chuyển đổi lại hai thửa đất từ ông Tthì có dư ra 02 mét ngang, nên anh đồng ý trả giá trị 02 mét ngang cho ông T1, do đó phần đất chị Pyêu cầu đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết trong cùng vụ án và đã cấn trừ giữa giá trị 02 mét ngang đất và tiền

chuyển mục đích sử dụng đất, do đó quyền lợi của chị P không bị ảnh hưởng trong vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Kim P kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[04] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phương yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[05] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận

[06] Về chi phí tố tụng, anh Trần Bá Đ đến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận lại số tiền tạm ứng bằng 1.500.000 đồng.

[07] Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Kim P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Kim P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bá Đ

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T gồm chị Nguyễn Kim P và cháu Lê Vỉnh Hà (do chị Nguyễn Kim P là người đại diện) phải trả cho anh Trần Bá Đ số tiền bằng 103.376.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng, anh Trần Bá Đ đến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận lại số tiền tạm ứng bằng 1.500.000 đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc chị Nguyễn Kim P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Pđã nộp bằng 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008396, ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D.

Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TX. D;
- CCTHADS TX. D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Tống Văn Viên